

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/ HNGĐ-ST.
Ngày: 03 – 4 – 2018 .
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung,
cấp dưỡng nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hào

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Long
2. Ông Nguyễn Đình Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Võ Văn Dũng - Kiểm sát viên tham dự phiên tòa.

Trong các ngày 06 tháng 03 năm 2018 và ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 210/2017/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2017; Về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trần T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoàng L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Trần T trình bày:

Vào năm 2010 anh T, chị L do quen biết nên anh, chị kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu mới kết hôn chung sống rất hạnh phúc, vợ, chồng có được 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 19/5/2013 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 30/11/2015 hiện nay 02 con chung đang sống chung anh T, chị L tại ấp L, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Đầu năm 2015 vợ, chồng anh T phát sinh mâu thuẫn, thường

xuyên cãi nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Cha mẹ hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không đoàn tụ lại. Nay anh T cảm thấy tình cảm không còn nên khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị L và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về con chung: Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Hoàng O; Nguyễn Tiến Đ. Không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung thì anh T đồng ý giao cháu O, cháu Đ cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 01 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh anh T cung cấp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh cháu Nguyễn Ngọc Hoàng O; cháu Nguyễn Tiến Đ, giấy xác nhận nơi sinh sống của chị L.

Theo các biên bản hòa giải tại Tòa án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng L trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh T chị L có ý kiến như sau.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoàng L đồng ý ly hôn.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 19/5/2013 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 30/11/2015 không đồng ý với mức cấp cấp dưỡng anh T đưa ra lý do: Anh T đang công tác tại Cơ quan X có thu nhập ổn định nên chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/ mỗi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn Nguyễn Trần T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Hoàng L.

- Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 19/5/2013 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 30/11/2015 cho bị đơn Nguyễn Thị Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng, căn cứ mức thu nhập thực tế của nguyên đơn và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, mức sống, sinh hoạt, học tập hàng ngày của 02 con chung đề nghị hội

đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 01 con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là “ Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung ” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại ấp L, xã M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 25 tháng 11 năm 2010 chị L, anh T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng hiện nay dù đã được cha, mẹ hai bên nhắc nhở, hòa giải nhiều lần không đoàn tụ lại là có thật. Anh T yêu cầu ly hôn và chị L đồng ý nên cho anh, chị ly hôn là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghĩ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét, anh T, chị L thỏa thuận giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 19/5/2013 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 30/11/2015 cho chị L nuôi dưỡng nên tiếp tục giao 02 con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình. Về mức cấp dưỡng nuôi con anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 01 con chung; chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/ 01 con chung. Xét hiện nay anh công tác tại Cơ quan X theo danh sách trích bằng lương cán bộ, chiến sĩ do Cơ quan X cung cấp mức thu nhập hàng tháng của anh T là 8.382.400 đồng, để tạo điều kiện sống, sinh hoạt, học tập của 02 cháu O và cháu Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 01 cháu là phù hợp Điều 82, 83 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Nguyễn Trần T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Hoàng L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 19/5/2013 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 30/11/2015 cho bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc nguyên đơn anh Nguyễn Trần T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng / 01 con chung.

Nguyên đơn có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Trần T nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số N⁰0006004, ngày 07/8/2017.

Nguyên đơn Nguyễn Trần T nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã B 01b;
- Các đương sự 02 bản ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo

